**THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN**

**1. Tên sáng kiến.**

Một số biện pháp rèn kĩ năng viết đúng chính tả cho học sinh lớp 2.

**2. Lĩnh vực áp dụng sáng kiến.**

- Dạy mảng kiến thức về chính tả lớp 2 ở trường Tiểu học.

**3. Tác giả.**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thoa. Nam (nữ) : Nữ

- Ngày, tháng, năm sinh: 02-10-1979

- Trình độ chuyên môn: Đại học Tiểu học

- Chức vụ, đơn vị công tác: Giáo viên trường Tiểu học Cẩm Phúc.

**4. Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến:** Trường Tiểu học Cẩm Phúc.

**5. Đơn vị áp dụng sáng kiến lần đầu:** Lớp 2D - Trường Tiểu học Cẩm Phúc.

**6. Các điều kiện để áp dụng sáng kiến:** Giáo viên và học sinh.

**7. Thời gian áp dụng sáng kiến lần đầu :** Năm học 2018– 2019.

|  |  |
| --- | --- |
| **TÁC GIẢ**  *(ký, ghi rõ họ tên)*  **Nguyễn Thị Thoa** | **XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ ÁP DỤNG SÁNG KIẾN** |

**TÓM TẮT SÁNG KIẾN**

Để thực hiện mục tiêu hình thành và phát triển ở học sinh các kĩ năng sử dụng tiếng việt nhằm giúp học sinh học tập và giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi. Trên cơ sở đó trong chương trình tiểu học mới đã lấy nguyên tắc giao tiếp, dạy thông qua giao tiếp làm định hướng cơ bản. Bởi giao tiếp là hoạt động quan trọng để phát triển xã hội. Có nhiều phương tiện giao tiếp khác nhau, nhưng ngôn ngữ vẫn là phương tiện giao tiếp nhằm thiết lập quan hệ, sự hiểu biết, công tác giữa các thành viên trong xã hội. Trong ngôn ngữ mỗi hành vi đều có thể thực hiện bằng 2 hình thức là cơ bản nhất và quan trọng nhất vì nó là hoạt động trao đổi tư tưởng, tình cảm khẩu ngữ (nghe, nói) và bút ngữ (đọc, viết). Chính vì lẽ đó mà trong môn Tiếng Việt ở tiểu học giáo viên là người giúp học sinh có kĩ năng đọc đúng và viết đúng chính tả. Song so với kĩ năng nghe và đọc thì kĩ năng nghe, viết của học sinh là một vấn đề luôn được mọi người quan tâm.

Vào đầu năm học qua khảo sát thực tế phần đông các em sai rất nhiều lỗi chính tả, mà nguyên nhân chính là do ảnh hưởng cách phát âm tiếng địa phương, do không hiểu đầy đủ về các quy tắc chính tả và nội dung ngữ nghĩa của các từ.

Chắc rằng nhu cầu về chính âm tiếng việt được đặt ra và vẫn cần giải quyết càng sớm càng tốt. Song hiện tượng phương ngữ vẫn sẽ tồn tại, vì đó là một thực tế, thực tế đã và đang diễn ra trong gia đình, xã hội (nhà trường, các phương tiện thông tin).

**MÔ TẢ SÁNG KIẾN**

**1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến**

Trong các môn học ở bậc tiểu học,Tiếng Việt là môn học có vai trò hết sức quan trọng. Các kiến thức kĩ năng của môn học Tiếng Việt được ứng dụng nhiều trong đời sống.Với tư cách là môn học công cụ, môn Tiếng Việt ở tiểu học bước đầu dạy cho học sinh cách nhận biết được những tri thức sơ giản, cần thiết bao gồm ngữ âm,chữ viết từ vựng, ngữ nghĩa, ngữ pháp, chính tả. Trên cơ sở đó, rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ : nghe, nói, đọc, viết nhằm giúp học sinh sử dụng tiếng việt có hiệu quả. Giúp học sinh có năng lực sử dụng từ, câu nói, viết thành câu văn để nắm bắt, tiếp nhận kho tàng văn hóa tri thức của nhân loại, rèn luyện cho các em năng lực tư duy, phương pháp suy nghĩ giáo dục, tư tưởng tình cảm trong sáng, lành mạnh ,góp phần pháp triển trí thông minh, phát huy tính tích cực hoạt động, hình thành và pháp triển ở học sinh những phẩm chất tốt đẹp.

Phân môn chính tả có một vị trí rất quan trọng ở bậc tiểu học vì giai đoạn tiểu học là giai đoạn then chốt trong quá trình hình thành kĩ năng chính tả cho học sinh. Chính tả được bố trí thành một phân môn độc lập, có tiết dạy riêng trong khi bậc trung học cơ sở không có.

Phân môn chính tả ở chương trình tiểu học có hai kiểu bài là chính tả đoạn bài và chính tả âm vần. Nội dung các bài chính tả âm vần là luyện viết đúng chữ ghi tiếng có âm, vần, thanh dễ viết sai chính tả. Thời gian dành cho bài tập chính tả âm vần dù là rất ngắn so với chính tả đoạn bài song việc rèn kĩ năng qua bài tập đó có ý nghĩa rất lớn đối với học sinh. Qua các bài tập chính tả âm, vần các em được rèn luyện để tránh việc viết sai chính tả các chữ ghi tiếng có âm, vần, thanh dễ lẫn nhằm đạt mục tiêu môn học.

Tính chất nổi bật của phân môn chính tả là thực hành bởi vì chỉ có thể hình thành các kĩ năng kĩ xảo cho học sinh thông qua thực hành, luyện tập.

Căn cứ vào mục tiêu dạy môn Tiếng Việt nói chung và nhiệm vụ chủ yếu nói riêng của phân môn Chính tả lớp Ba. Ngoài kĩ năng rèn học sinh đọc thông chúng ta còn rèn cho học sinh viết thạo, viết đúng chính tả, rèn cho học sinh một số phẩm chất như tính cẩn thận, tính thẩm mĩ. Ngoài việc nắm vững vị trí, nhiệm vụ, tính chất, nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy phù hợp, GV còn phải nắm vững các nguyên tắc dạy chính tả Tiếng Việt.

Dạy chính tả là một quá trình rèn luyện lâu dài, không chỉ ở giờ chính tả mà có thể rèn luyện phân tích từ phân môn: Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn.

Ví dụ một học sinh làm một bài văn rất hay nhưng mắc nhiều lỗi chính tả thì bài văn đó không đạt điểm cao. Ví dụ cụ thể hơn nữa là học sinh dự thi viết chữ đẹp cấp huyện dù chữ có đẹp bao nhiêu nhưng mắc một vài lỗi chính tả thì cũng không đem lại kết quả. Nếu một em viết sai nhiều lỗi chính tả (từ 5 lỗi trở lên) thì không thể học tốt các môn học khác.

Chính vì những lí do nêu trên mà tôi đã chọn đề tài sáng kiến kinh nghiệm :

**“Một số biện pháp rèn kĩ năng viết đúng chính tả cho học sinh lớp 2”.**

**2. Cơ sở lí luận của vấn đề**

Chữ viết hiện nay của người Việt là chữ viết ghi lại theo phát âm. Do đó việc viết đúng phải dựa trên đọc đúng, đọc đúng là cơ sở của viết đúng. Tuy nhiên do yếu tố vùng miền, cách phát âm mỗi nơi mỗi khác. Mặc dù những quy tắc, quy ước về chính tả được thống nhất theo ngữ pháp chung. Nhưng việc *“viết đúng chính tả”* trong học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp tôi nói riêng còn nhiều khó khăn, tồn tại mà mỗi giáo viên và học sinh cần phải nổ lực để khắc phục tồn tại trên.

Người giáo viên muốn đánh giá kết quả học tập của học sinh cũng phải thông qua năng lực viết đúng chính tả của các em. Vì vậy mỗi thầy, cô giáo cần phải nhiệt tình trong công tác giảng dạy: rèn cho học sinh viết đúng chính tả ngay từ đầu, dần dần các em ham thích trong mỗi giờ học chính tả như các môn học khác.

Trong qua rình dạy và học, phân môn chính tả rất quan trọng. Bởi chính tả rèn kĩ năng viết, nghe, đọc qua chữ viết đúng, đẹp của giáo viên còn bồi dưỡng tình yêu Tiếng Việt, hình thành thói quen giữ gìn trong sáng giàu đẹp của Tiếng Việt. Do đó viết đúng chính tả là việc cần thiết trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ viết. Việc hình thành cho họ sinh kĩ năng viết đúng chính tả là vấn đề bức xúc và khó khăn. Vì vậ tôi nhận thấy rằng dạy chính tả phải xuát phát từ tình hình thực tế mắc lỗi chính tả của học sinh của từng vùng, miền để giáo viên, để giáo viên có hướng lựa chọn nội dung giảng dạy sao cho phù hợp đối với học sinh lớp mình phụ trách. Bên cạnh đó phần lớn, bên cạnh đó cũng phải phụ thuộc vào sự nhận thức, có ý chí phấn đấu, kiên trì nhẫn nãi của môi học sinh.

Qua quá trình giảng dạy ở lớp 2 tôi nhận thấy các em các em thường viết sai rất nhiều phụ âm đầu như: ng, ngh,gh, g, gi,d, x, s, l, n... ... ..., âm cuối: ng, t,c ... Vần khó và dễ lẫn: uênh, uêch, uya, ac, at,, ut, uc... Lỗi do phát âm của địa phương nh lẫn lộn dấu thanh, tiếng: dễ/ dể; uống sữa/ uống sửa; man/mang; ngát/ ngác; mặn/ mặng...Ngoài ra các em còn không hiểu nghĩa một số từ. Do vậy viết đúng là việc cần thiết và là giai đoạn then chốt rong quá trình hình thành cách viết đúng chính tả cho học sinh.

Phân môn chính tả có một vị trí quan trọng ở bậc Tiểu học.

**3. Thực trang việc dạy phân môn chính tả cho học sinh lớp 2.**

Đặc điểm tình hình chung của lớp:

***3.1. Thuận lợi việc dạy phân môn chính tả cho học sinh lớp 2:***

- Sĩ số học sinh không đông, thuận lợi cho việc kiểm tra (chấm bài viết chính tả thường xuyên, phát hiện lỗi sai kịp thời để học sinh sữa chữa và khắc phục viết đúng).

- Học sinh có đầy đủ vở chính tả và vở bài tập Tiếng Việt (ghi đầy đủ nội dung bài tập chính tả).

- Giáo viên có kế hoạch rèn học sinh viết đúng chính tả ngay từ tuần đầu năm học (thống kê phân loại học sinh học yếu chính tả để theo dõi thường xuyên vào những giờ chính tả).

***3.2. Khó khăn việc dạy phân môn chính tả cho học sinh lớp 2:***

- Tình hình thực tế học sinh lớp hai ở đây vốn từ các em còn hạn chế. Các em chỉ hiểu nghĩa của các từ ngữ ở mức độ đơn giản trong khi từ ngữ Tiếng Việt vô cùng phong phú.

- Đa số gia đình các em sống về nghề nông còn nghèo, cha mẹ còn lo đi làm đồng để kiếm sống, chưa thực sự quan tâm đến việc học của các em.

- Phần đông học sinh lớp chưa có ý thức về học chính tả.

***3.3. Khảo sát thực trạng:***

Để xây dựng được kế hoạch thực hiện nghiên cứu biện pháp: *“Rèn học sinh viết đúng chính tả”* cho học sinh của lớp, tôi đã tiến hành khảo sát tình hình thực tế việc viết chính tả của học sinh ngay từ đầu năm học. Qua khảo sát đầu năm tôi thống kê học sinh còn mắc lỗi chính tả rất nhiều, có một số học sinh viết sai 20 lỗi trong một bài chính tả. Cụ thể khảo sát chất lượng môn Tiếng Việt đầu năm trong đó có bài viết chính tả tôi thống kê số lỗi chính tả như sau:

Phân môn chính tả có một vị trí quan trọng ở bậc tiểu học. Do vậy nó được bố trí thàn phân môn độc lập, có tiết dạy riêng trong khi ở bậc trung học cơ sở không có.

Chính tả ở bậc tiểu học có hai kiểu bài đó là chính tả đoạn bài và chính tả âm vần. Nội dung của bài chính tả âm vần là luyện đúng chữ ghi tiếng có âm vần, thanh dễ viết sai chính tả. Thời gian giành cho bài tập không nhiều so với chính tả đoạn bài, song việc rèn kĩ năng qua bài tập có ý nghĩa lớn đối với học sinh. Vì qua đó các em được rèn kĩ luyện để trnahs viết sai chính tả. Đồng thời hình thành các kĩ năng, kĩ xảo cho học sinh thông qua bài viết, bài tập thực hành.

Điều tra chất lượng đầu năm cho thấy.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *TSHS* | *9 - 10* | *7- 8* | *5- 6* | *Dưới 5* |
| *34* | *8 (17%)* | *8(29%)* | *11(29%)* | *7( 25%)* |

Từ đó cho thấy học sinh mắc lỗi chính tả rất nhiều, có những em còn viết sai 11- 20 lỗi trong một bài.

Ví dụ : Bài: “ Trên chiếc bè” \_ Tiếng Việt 2 tập 1 trang 37).

- Số học sinh sai từ 1- 5 lỗi: 14 em.

- Số học sinh sai từ 6- 11 lỗi: 9 em.

- Số học sinh sai từ 7- 20 lỗi: 11 em.

Viết sai nhiều lỗi chính tả như vậy cho thấy kĩ năng viết của học sinh còn hạn chế mà cái đáng nói ở đây là do các em bị mất căn bản từ lớp dưới chưa nắm vững âm vần còn phát âm sai, chưa viết được những âm vần khó (ch/ tr; s/x; v/d; r/ gi;k/c/ ay- ai; ut- uc; at- ac; an-ang; iu- iêu-yêu/ uênh, oan, oang, eo, oeo, iu- iêu- yêu/ uênh, oan, oang, oăn, oe, uyên, uyêt...) Học sinh chưa hiểu nghĩa của từ lỗi không nắm được quy tắc chính tả (ngh,k, gh chỉ đứng trước i, e ,ê), lỗi do vô ý chưa cẩn thận (thiếu dấu phụ, dấu thanh).

Qua thống kê tôi thấy học sinh mắc phải các lỗi cụ thể sau:

+ Thanh điệu : Học sinh không phân biệt được thanh hỏi , thanh ngã.

Ví dụ: Suy nghĩ, nghỉ ngơi, sửa chữa.. học sinh ngọng những dấu thanh này

( thanh ngã học sinh hay đọc ngọng và viết thành sắc VD: cũng thành cúng)

+ Về âm đầu: Viết lẫn lộn với chữ cái có ghi âm đầu

Ví dụ :

* g/ gh : cái gế
* ng/ ngh : con ngé
* c/ k : cái céo
* ch / tr một chăm
* s /x :
* v / d :
* r / g :

Bên cạnh đó cho thấy quy ước của chữ quốc ngữ rất phức tạp, một âm có thể ghi bằng hai ba dạng như ngờ ghi ng/ ngh. Từ những lỗi sai đó cộng với sự phức tạp cũa quốc ngữ nếu chúng ta không có biện pháp uốn nắn kịp thời thì dẫn đến sẽ hình thành thói quen không tốt ở học sinh. Vì vậy để giúp học sinh có kĩ năng viết đúng, đẹp nên tôi đã đi sâu nghiên cứu tìm ra giải pháp giúp các em học tốt phân môn chính tả.

**3.4. Nhận định nguyên nhân:**

- Học sinh viết sai chính tả chủ yếu do các em bị mất căn bản từ lớp dưới, chưa nắm vững âm, vần, chưa phân biệt được cách phát âm của giáo viên, chưa hiểu rõ nghĩa của từ, chưa có ý thức tự học, tự rèn ở nhà, chưa chú ý khi viết chính tả.

- Học sinh viết sai chính tả do một số lỗi sau:

+ Lỗi do vô ý, chưa cẩn thận (như thiếu dấu phụ, thiếu dấu thanh).

+ Lỗi về các vần khó (uya, uyu, uênh, oang, oeo, ươu, uyên, uyêt, uêch, …)

+ Lỗi do phát âm sai (at/ac, et/ec, an/ang, iu/iêu, iêc/iêt, ươc/ươt, …).

+ Lỗi do không hiểu nghĩa của từ (để dành/tranh giành, dở dang/giang sơn)

+ Lỗi do không nắm được quy tắc chính tả (g chỉ được ghép với a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư và gh, ngh chỉ ghép với e, ê, i ).

Qua thống kê các loại lỗi, tôi thấy học sinh thường mắc các loại lỗi sau:

**3.4.1. Về thanh điệu:** Học sinh chưa phân biệt được hai thanh hỏi và thanh ngã.

\* Ví dụ: nghĩ hè (từ đúng: nghỉ hè ); suy nghỉ (từ đúng: suy nghĩ ); sữa lỗi (từ đúng: sửa lỗi ), …

**3.4.2 Về âm đầu:**

- Học sinh còn viết lẫn lộn một số chữ cái ghi các âm đầu sau đây:

+ g/ gh: đua ge, gi bài

+ ng/ ngh: ngỉ nghơi.

+ c/ k: céo cờ, cẹp tóc

+ s/ *x* : sẻ gỗ, chim xẻ.

+ d/ gi: dữ gìn, da vị .

Qua thực tế giảng dạy trong nhiều năm tôi nhận thấy lỗi về s/*x* ; g/gh; ng/ngh; d/gi là phổ biến hơn cả.

**3.4.3. Về âm chính:**

Học sinh hay mắc lỗi khi viết chữ ghi các âm chính trong các vần sau đây:

+ ai/ay/ây: máy bây (máy bay).

+ ao/au/âu: lâu bàn ghế (lau bàn ghế).

+ oeeo: sức khẻo (sức khỏe).

+ iu/êu/ iêu: kì dịu (kì diệu).

+ ăm/âm: đỏ thấm (đỏ thắm); tối tâm (tối tăm).

+ăp/âp: gập gỡ (gặp gỡ).

+ ip/iêp: nhân diệp (nhân dịp).

+ ui/ uôi: cuối đầu (cúi đầu); cúi cùng (cuối cùng).

+ ưi/ ươi: trái bửi (trái bưởi); khung cưỡi (khung cửi).

+ ưu/ươu: mươu trí (mưu trí); con hưu (con hươu).

**3.4.5. Về âm cuối:**

Học sinh thường viết lẫn lộn chữ ghi âm cuối trong các vần sau đây:

+ at/ac: đất các (đất cát).

+ an/ang: cái bàng (cái bàn).

+ ăt/ăc: mặt quần áo (mặc quần áo).

+ ăn/ăng: khăng quàng (khăn quàng).

+ ât/âc: gậc đầu (gật đầu).

+ ân/âng: vân lời (vâng lời).

+ êt/êch: lệch bệt (lệt bệt)

+ ên/ênh: bện tật (bệnh tật).

+ iêt/iêc: thiếc tha (thiết tha).

+ uôn/uông: mong muống (mong muốn).

+ uôt/uôc: suốc đời (suốt đời).

+ ươn/ương: vường rau (vườn rau).

**3.4.6. Lỗi viết hoa:**

Đây là loại lỗi phổ biến và trầm trọng nhất trong các bài viết của các em, trong tất cả bài viết của học sinh trong lớp

Lỗi viết hoa của các em thường gặp ở 2 dạng:

**• *Không viết hoa đầu câu, danh từ riêng (tên riêng), tên địa danh:***

\* Ví dụ: Dạy Chính tả (Nghe - viết): *Thu trung thu* – 12 dòng thơ trong bài (TV2-T2, tr.11).

- Câu: “Ai yêu như đồng

Bằng bác Hồ Chí Minh?”

Học sinh viết: “Ai yêu như đồng

Bằng bác **h**ồ **c**hí **m**inh”.

***• Viết hoa tùy tiện:*** có 15/34 em.

\* Ví dụ: Nghe – viết: *Sân chim* (TV2 - Tập 2), tr.29

- Câu: Tiếng chim kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe được nữa. Học sinh lại viết: “Tiếng **C**him kêu vang động bên tai, nói chuyện không nghe được nữa.”.

Ngoài ra ở một số bài viết, học sinh trong lớp còn mắc các lỗi khác như: Trình bày chưa sạch, chữ viết còn thiếu nét, thừa nét (ví dụ: “mề**m**” lại viết là “mề**n**”; “miề**n** Nam” lại viết “miề**m** Nam”).

Qua khảo sát thống kê tôi thấy hầu hết các loại lỗi chính tả các em đều mắc (kể cả học sinh hoàn thành tốt môn học) số lỗi mà các em mắc nhiều nhất là lỗi viết hoa, lỗi phụ âm đầu và lỗi âm chính. So với yêu cầu về kĩ năng viết chính tả (không quá 5 lỗi trong một bài) thì trình độ kĩ năng viết chính tả của học sinh còn quá thấp.

Thực trạng trên đây là rất đáng lo ngại đòi hỏi mỗi chúng ta cần phải nghiên cứu và tìm ra nhiều biện pháp giúp đỡ các em khắc phục lỗi chính.

**4 . Biện pháp dạy học phâm môn chính tả lớp 2.**

Để giúp học sinh học tốt phân môn chính tả giáo viên phải lựa chọn và phối hợp các hình thức tổ chức học tập khác nhau trong lớp học để tạo nên sự mềm dẻo, linh hoạt và sinh động cho quá trình dạy học, đồng thời giáo viên có thể sử dụng nhiều biện pháp và phương pháp dạy khác nhau nhất là phần bài tập. Từ đó tạo cơ hội cho học sinh đều được tham gia vào hoạt động học tập, tạo cho học sinh cách làm việc tập thể theo nhóm, cách chủ động tự tin trình bày ý kiến cá nhân từ đó tạo nên môi trường học tập thuận lợi cho học sinh. Ngoài việc giáo dục cung cấp từ khó, giải nghĩa từ, phân tích từ, học sinh còn phải tự tìm hiểu từ cùng nghĩa , trái nghĩa để có thể viết đúng. Từ đó phát huy được khả năng hiểu biết của từng học sinh. Sau đó tổ chức cho học sinh chơi các trò chơi để tiết học thêm phong phú và khắc sâu kiến thức.

Để tiết học đạt kết quả cao trước hết tôi yêu cầu học sinh:

***4.1. Chuẩn bị bài.***

- Bước đầu giáo viên dăn học sinh chuẩn bị bài trước bằng cách yêu cầu các em đọc lại bài nhiều lần, viết những từ khó ra bảng con. Hầu như bài chính tả nằm ở bài tập đọc nên tiết tập đọc giáo viên cần chú trọng luyện đọc cách phát âm, mở rộng từ cần hiêu nghĩa, từ đó đến tiết chính tả học sinh sẽ viết đúng hơn.

- Truy bài đầu giờ: Những buổi có tiết chính tả nhóm trưởng của các nhóm đọc các từ khó cho các bạn viết bảng con, khi vào tiết học sẽ khắc sâu kiến thức hơn.

- Ở phần kiểm tra: Giáo viên đọc lại những từ mà ở bài trước học sinh mắc lỗi nhiều và các từ ở phần bài tập cho học sinh viết bảng con. Sau đó giáo viên kiểm tra xem có sửa lỗi không.

***4.2. Phần bài mới.***

- Giáo viên đọc mẫu, nêu câu hỏi để học sinh nhớ lại nội dung của bài viết. Cho học sinh tự nêu từ khó để cả lớp cùng phân tích và so sánh với những tiếng dễ lẫn lộn, nhấn mạnh ở những điểm khác nhau để học sinh ghi nhớ.

Ví dụ: Từ gay gắt

gay = g + ay

gắt = g + ăt + thanh sắc

Do phương ngữ từng miền khác nhau nên cách phát âm đôi khi chưa thống nhất với chữ viết nên học sinh cần nắm vững nghĩa của các từ khóa.

Ví dụ: Học sinh đọc “ suy nghỉ” nhưng viết “ suy nghĩ” nên giáo viên giúp học sinh cần hiểu “ nghỉ” có nghĩa là hoạt động bị ngừng lại, còn “ nghĩ” là tính toán điều gì đó. Vì vậy phải là “ suy nghĩ”.Việc giải nghĩa từ thường được thực hiện trong tiết Luyện từ và câu,Tập đọc , Tập làm văn... Nhưng nó cũng là việc làm rất cần thiết trong tiết Chính tả khi mà học sinh không thể phân biệt từ khó dựa vào phát âm hay phân tích cấu tạo tiếng.

Có nhiều cách để giải nghĩa từ cho học sinh. Giáo viên có thể cho học sinh đọc chú giải, đặt câu ( nếu học sinh đặt câu đúng tức là HS đã hiểu nghĩa từ), tìm từ đồng nghĩa, trái nghĩa, miêu tả đặc điểm hoặc sử dụng vật thật, môi hình, tranh ảnh... Với những từ nhiều nghĩa giáo viên phải đặt từ đó trong văn cảnh cụ thể để giải nghĩa từ.

\* Về âm chính:

Học sinh hay mắc lỗi khi viết chữ ghi âm chính trong các vần sau đây:

+ ao/ au/ âu: lau bàn.

+ oe/eo: mạnh khẻo.

+ iu/ êu/ iêu: chiều chuộng.

+ ip / iêp: liên tiếp.

+ ui/ uôi: đầu đuôi.

+ um/ uôm/ ươm. Cánh bướm.

\* Về âm cuối:

Học sinh thường viết lẫn lộn chữ ghi âm trong các vần sau đây:

+ at/ ac: đồ đạc

+ an/ ang: cây nhãn.

+ăt/ăc: mặc quần áo.

+ ăn/ ăng: khăn quàng.

+ân/ âng: cái quần.

+ êt/ êch: chênh lệch.

+ iêt/ iêc: thân thiết.

+ ut/ uc: nút áo.

+ uôn/uông: mong muốn.

+ ươn/ương: con lươn.

Người miền Bắc, nhất là các em học sinh tiểu học còn chưa phân biệt l/n; d/gi.

**\* Giúp học sinh ghi nhớ mẹo luật chính tả:**

Ngay từ lớp 1, các em đã được làm quen với luật chính tả đơn giản như: Các âm đầu k, gh,ngh chỉ kết hợp với âm i, e,ê. Ngoài ra giáo viên có thể cung cấp thêm cho học sinh một số mẹo luật như sau:

+ Để phân biệt âm đầu s/ x: Đa số các từ chỉ tên câu và tên con vật đều bắt đầu bằng s: si, sồi, sả, sắn, sung, sao, su su, sầu đâu, sơn trà, sậy, sấu, sến, sam, sán, sầu riêng, so đũa... Sáo, sâu, sên, sóc, sứa, sáo sậu, sư tử...

+ Để phân biệt âm đầu ch/ tr: Đa số các từ chỉ đồ vật trong nhà và các tên con vật đều bằng ch: chăn, chiếu, chảo, chổi, chai, chày, chén, chum,chạn, chõ, chĩnh, chuông, chiêng... Chuột, chó,chồn, chuồn chuồn, chào mào, châu chấu, chiền chiện, chẫu chàng, chèo bẻo, chìa vôi.

\* Luật hỏi - ngã.

Nếu các từ giống nhau về phụ âm đầu, yếu tố đững trước mang thanh huyền, nặng, ngã thì yếu tố đứng sau sẽ mang thanh ngã . Nếu yếu tố đứng trước mang thanh ngang, sắc, hỏi thì yếu tố đứng sau sẽ mang thanh hỏi (hoặc ngược lại).

Ví dụ: Huyền + ngã: sẵn sàng, vững vàng...

Nặng + ngã: mạnh mẽ, vội vã...

Ngã + ngã: nhõng nhẽo, dễ dãi.

Ngang + hỏi: vui vẻ, trong trẻo...

Sắc + hỏi: mát mẻ, vất vả...

Hỏi + hỏi: lỏng lẻo, thủ thỉ...

***4.3. Bài tập chính tả:***

Có rất nhiều dạn bài tập chính tả khác nhau để giúp học sinh tận dụng các kiến thức đã học, làm quen với việc sử dụng từ trong văn cảnh cụ thể. Sau mỗi bài tập. Sau mỗi bài tập, giáo viên giúp các em rút ra các quy tắc chính tả để ghi nhớ.

Ví dụ:

***4.3.1. Bài tập lựa chọn:***

Chọn từ thích hợp trong ngoặc điền vào chỗ trống trong các câu sau:

Em thích nghe kể.... hơn đọc...( truyện, chuyện).

Quê hương là con.... biếc ( dìu, diều)

Bác ba đang....xe đạp .(sửa, sữa)

***4.3.2. Bài tập điền khuyết:***

Điền vào chỗ trống cho phù hợp:

d, r hoặc gi: ...án cá, ....ễ ...ãi, trang ...ấy, ....ậy sớm.

s hoặc x: ...ào ...ạc, ...a ....ôi, đơn ....ơ.

▪ **ươn** hoặc **ương** : s……mù,cá…………..,vấn v………….

▪ **ât** hoặc **âc** : gió b….., thứ nh……,quả g….., ph….. Cờ

▪ **iu** hoặc **iêu**: th…đốt, thả d…, gió h…h…, buồn th….,

***4.3.3. Bài tập tìm từ****:*

\* Tìm các từ chứa có vần “ ươt ” hoặc “ ươc ”có nghĩa như sau;

▪ Dụng cụ để đo, vẽ, kẻ: …………

▪ Thi không đỗ : ……………

\* Tìm từ ngữ có thanh hỏi hoặc thanh ngã có ý nghĩa như sau:

▪ Cây trồng để làm đẹp : …….

▪ Khung gỗ để dệt vải : ………

▪ Trái nghĩa với từ thật thà : ……..

▪ Đoạn đường nhỏ hẹp trong thành phố : ………

\*Tìm các từ ngữ chỉ đồ vật có thanh hỏi: ………

\*Tìm các từ ngữ chỉ đồ vật có thanh ngã: ………

\* Ngoài ra giáo viên phải kết thực hành luyện tập nhằm hình thành các kĩ xảo chính tả. hợp cho học sinh biết xây dựng cái đúng, loại bỏ cái sai. Hướng dẫn học sinh

***4.3.4. Bài tập đặt câu (Bài tập phân biệt):***

Với dạng bài tập này sang HKII, học sinh làm quen với bài tập: tập đặt câu để phân biệt hai từ trong từng cặp từ để hiểu nghĩa của từng cặp từ.

Đặt câu phân biệt hai từ trong từng cặp từ sau:

+ trút – trúc; lụt – lục

\* Ví dụ: + trút: Trời mưa như **trút** nước.

+ trúc: Bố em có cây sáo **trúc**.

**+** lụt:Năm nay ở nước ta có nhiều lũ **lụt**.

+ lục: Bé **lục** tung đồ đạt trong nhà.

***4.3.5. Bài tập giải câu đố:***

Đặt trên chữ in đậm *dấu hỏi* hay *dấu ngã* ? Giải câu đố sau:

Vừa dài mà lại vừa vuông

Giúp nhau **ke** chỉ, vạch đường **thăng** băng

(Là cái gì?)

Ngoài ra giáo viên phải kết hợp cho học sinh biết xây dựng cái đúng, loại bỏ cái sai. Bên cạnh việc cung cấp cho học sinh những qui tắc chính tả, hướng dẫn học sinh thực hành, luyện tập nhằm hình thành kĩ xảo chính tả, cần đưa ra những trường hợp viết sai để hướng dẫn học sinh phát hiện sửa chữa rồi từ đó hướng học sinh đi đến cái đúng.

***4.3.6. Một số bài tập ngoài giờ học chính khóa :***

Ngoài các bài tập trên, giáo viên còn tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi viết đúng chính tả qua các buổi học phụ đạo với các dạng bài tập ngoài bài. Nội dung các bài tập giáo viên đưa ra phải phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm gây sự hứng thú trong giờ học, cụ thể các bài tập sau:

● Bài tập trắc nghiệm :

Khoanh tròn vào chữ cái trước từ ngữ viết đúng chính tả:

a - suy nghỉ b - nghĩ hè c - nghỉ phép

d - im lặn e - lặn lội g - vắng lặn

h - muối cam i - hạt múi k - sương muối

**Đáp án:** khoanh vào c, e, k

● Bài tập điền Đúng – Sai :

Điền chữ **Đ** vào ô trống trước những chữ viết đúng chính tả và chữ **S** vào ô trống trước những chữ viết sai chính tả:

chim xẻ mổ xẻ **Đáp án:** S chim xẻ Đ mổ xẻ

dìu dắt dìu biếc Đ dìu dắt S dìu biếc

mải miết mãi mãi Đ mải miết Đ mãi mãi

● Bài tập nối tiếng :

Nối các tiếng ở cột A với các tiếng ở cột B để tạo thành những từ viết đúng chính tả:

**A**  **B**

a. mong tròn (1)

b. rau khổ (2)

c. cuộn muốn (3)

d. khuôn cau (4)

e. buồng muống (5)

**Đáp án:** a - 3 ; b - 5 ; c - 1; d - 2 ; e - 4

● Bài tập phát hiện:

Tìm từ sai chính tả trong các câu sau và sửa lại cho đúng:

- Dẫu các cháu không dúp gì được, nhưng ông cũng thấy lòng nhẹ hơn.

- Một ngôi xao chẳng sáng đêm.

- Chỉ có vần trăng vẫn thao thức như canh gát trong đêm.

- Anh cảm thấy dễ chiệu và đầu óc bớt căng thẳng.

- Hôm đó, ông lão đang ngồi sưỡi lửa thì con đem tiền về.

***4.4. Tổ chức dạy học.***

Ở phần này giáo viên cần tổ chức luyện tập phù hợp với từng đối tượng học sinh, từng dạng bài tập nhằm tạo hứng thú, phát huy tính tích cực chủ động của học sinh.

Ví dụ:

- Tổ chức nhóm lớp.

- Nhóm đôi.

- Thi tiếp sức.

Làm cá nhân.

Trong quá trình làm bài tập giáo viên đôn đốc học sinh phát hiện những bài làm sai để kịp thời sửa chữa. Giáo viên tổng kết những ý kiến để chốt lại kiến thức cần nhớ.

- Giáo viên động viên khen thưởng kịp thời để tạo hứng thú cho các em say mê học tập.

\*\* Hướng dẫn viết và chữa bài:

*\* Chuẩn bị và nghe viết chính tả:*

- Cho học sinh đọc bài chính tả sẽ viết (SGK), nắm nội dung chính của bài viết.

- Hướng dẫn học sinh nhận xét những hiện tượng chính tả trong bài.

- Luyện viết những chữ ghi tiếng khó hoặc dễ lẫn (tiếng mang vần khó, tiếng có âm, vần dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ hay thói quen).

- Khi đọc cho học sinh viết bài, giáo viên cần phát âm rõ ràng, tốc độ vừa phải, tạo điều kiện cho học sinh chú ý đến những hiện tượng chính tả cần viết đúng.

*\* Chữa bài:*

- Cho học sinh tự chữa lỗi của mình qua bài mẫu trên bảng cụ thể, chu đáo, không sửa qua loa, lấy lệ và hướng dẫn kĩ để học sinh dễ nhớ.

- Sửa lỗi chính tả theo nhóm, phân những học sinh thường cùng mắc một loại lỗi chính tả thành một nhóm. Mỗi nhóm do một em khá, giỏi trong lớp phụ trách dưới sự gợi ý của giáo viên, nhóm trưởng hướng dẫn các bạn trong nhóm phát hiện ra lỗi chính tả trong các bài viết của các bạn cùng nhóm, cùng bàn bạc thống nhất cách sửa lỗi đó.

- Đối với những học sinh mắc nhiều lỗi do ảnh hưởng của tiếng địa phương hoặc thói quen, giáo viên cần chữa bài cho các em đó, chỉ ra từng lỗi sai và cho các em viết lại các từ đã sửa dưới bài viết. Nếu các em sai trên 5 lỗi thì cho chép lại toàn bài.

\*\* Thực hành luyện tập:

- Khi tổ chức các hoạt động thực hành luyện tập, giáo viên lựa chọn hình thức luyện tập phù hợp với từng đối tượng học sinh và phù hợp với từng nội dung bài tập nhằm tạo hứng thú, phát huy tính tích cực của học sinh trong giờ học.

- Trong quá trình học sinh làm bài, giáo viên quan sát cá nhân học sinh, nhóm học sinh để đôn đốc hướng dẫn và biết được những bài làm sai để tổ chức cho học sinh nhận xét và sửa chữa . Đối với các dạng bài tập khó, giáo viên nên tổ chức cho học sinh luyện tập dưới hình thức trò chơi hoặc thảo luận nhóm thì hiệu quả và việc sửa chữa tối ưu hơn cả.

Thi tìm nhanh, viết đúng:

- Từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm, tính chất có tiếng bắt đầu bằng ***x***:

\* Ví dụ: xào nấu, xanh xao, xanh mượt.

Qua mỗi bài tập, giáo viên tổng kết ý kiến và chốt lại nội dung kiến thức cần ghi nhớ và kĩ năng cần rèn luyện.

- Giáo viên tuyên dương, khen thưởng, động viên kịp thời tạo hứng thú cho các em say mê trong mỗi giờ học chính tả.

**4.5. Một số biện pháp khắc phục lỗi chính tả:**

Trước tình hình học sinh lớp viết còn sai nhiều lỗi chính tả, tôi đã áp dụng một số biện pháp khắc phục như sau:

*4.5.1. Luyện phát âm:*

Muốn học sinh viết đúng chính tả, trước hết giáo viên phải chú ý luyện phát âm cho mình và cho học sinh để phân biệt các thanh, các âm đầu, âm chính, âm cuối vì chữ quốc ngữ là chữ ghi âm, giữa cách đọc và cách viết thống nhất với nhau. Nếu giáo viên chưa phát âm chuẩn, do ảnh hưởng của cách phát âm ở địa phương, sinh ra và lớn lên trong môi trường phát âm như vậy nên các em cũng có thói quen phát âm sai dẫn đến hiện tượng viết sai chính tả.

\* Ví dụ: ăn cơm - en cơm; hoa sen - hoa xen; cái vung - cái dung; cái kéo - cái kếu; đồng bào - đồng bồ,… Giáo viên phải phát âm rõ ràng, tốc độ vừa phải mới có thể giúp học sinh viết đúng chính tả.

*4.5.2. Phân tích so sánh:*

Song song với việc luyện phát âm cho học sinh, khâu phân tích so sánh tiếng, từ cũng rất quan trọng trong giờ học chính tả: với những tiếng khó, giáo viên áp dụng biện pháp phân tích cấu tạo tiếng, so sánh. Với những tiếng dễ lẫn lộn, giáo viên cần nhấn mạnh những điểm khác để học sinh ghi nhớ.

\* Ví dụ : Dạy bài Chính tả (Tập chép): *Cậu bé thông minh* – TV3 -Tập 1, tr.4

Cho học sinh nhìn bảng viết đoạn 3: từ “Hôm sau …đến xẻ thịt chim”.Trước khi viết bài, giáo viên phân tích cho học sinh hiểu nghĩa một số tiếng dễ lẫn lộn như:

+ rèn ≠ rằn. Giúp học sinh hiểu nghĩa *rèn* trong câu là làm cho con dao sắc bén còn *rằn* là rằn ri. Nếu học sinh khó hiểu có thể cho học sinh đặt câu để hiểu rõ hơ (Mẹ tôi *rèn* chiếc dao này thật bén - Cu Tuấn mặc bộ đồ *rằn* đỏ).

+ sắc ≠ sắt: *sắc* là sắc bén còn *sắt* là thanh sắt (vật kim loại).

+ xẻ (thịt chim) ≠ sẻ: *xẻ* là mổ xẻ, bổ ra còn *sẻ* là chim sẻ, san sẻ.

Qua phần bài tập: Điền vào chỗ trống vần **an** hay **ang**?

- đ .`… hoàng.

- đ .`… ông.

- s...…loáng.

Học sinh tiến hành làm bài tập, sau đó giáo viên sửa bài và cho học sinh phân tích từ:

- đàng hoàng ≠ đàn (tiếng đàn)

- đàn ông ≠ đàng (đường)

- sáng loáng ≠ sán (sán: giun, lãi) nghĩa khác là tiến đến gần.

\* Dạy bài: Tập chép: *Sơn Tinh, Thủy Tinh* - (TV2 - Tập 2, tr.34) – Từ đầu đến... cầu hôn công chúa.

Trong đoạn viết có câu: “Một người là Son Tinh, chúa miền non cao, còn người kia là Thủy Tinh, vua vùng nước thẳm”

Khi viết tiếng “tinh” học sinh dễ lẫn lộn với tiếng “ting”, giáo viên yêu cầu học sinh phân tích cấu tạo hai tiếng này:

- Tinh = T + inh + thanh bằng.

- Ting = T + ing + thanh bằng.

So sánh để thấy sự khác nhau, tiếng “tinh” có âm cuối là “nh” còn tiếng “ting” có âm cuối là “ng”. Học sinh ghi nhớ cách phát âm và cách viết sẽ không viết sai.

*4.5.3. Giải nghĩa từ:*

Do phương ngữ của từng vùng miền khác nhau, cách phát âm đôi khi chưa thống nhất với chữ viết nên học sinh cần nắm rõ nghĩa của từ để viết cho đúng.

\* Dạy Chính tả (Tập chép): *Một trí khôn hơn trăm trí khôn* - (TV2 – Tập 2, tr.33)

Học sinh viết: “Chợt thấy một người thợ săn, chúng cuống quýt nấp vào một cái hang.”

Học sinh đọc “cuống quýt” nhưng viết “cuốn quýt”, do đó học sinh cần hiểu “cuống quýt ” có nghĩa là vội đến mức rối lên.

Việc giải nghĩa từ thường được thực hiện trong tiết Tập đọc, Luyện từ và câu, Tập làm văn, nhưng nó cũng là việc làm rất cần thiết trong tiết chính tả khi mà học sinh không thể phân biệt từ khó dựa vào phát âm hay phân tích cấu tạo tiếng. Có nhiều cách để giải nghĩa từ cho học sinh. Giáo viên chú giải từ mới ở phân môn Tập đọc kết hợp đặt câu. Nếu học sinh đặt câu đúng tức là học sinh đã hiểu nghĩa từ; tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa, miêu tả đặc điểm hoặc sử dụng vật thật, mô hình, tranh ảnh,… Với những từ nhiều nghĩa giáo viên phải đặt từ đó trong văn cảnh cụ thể để giải nghĩa từ.

*4.*5.4. Giúp học sinh ghi nhớ mẹo luật chính tả:

Ngay từ lớp Một, các em đã được làm quen với luật chính tả đơn giản như các âm đầu : k, gh, ngh chỉ kết hợp với âm i, e, ê và âm g chỉ kết hợp với: a, ă, â, o, ô, ơ, u, ư. Giáo viên còn có thể cung cấp thêm cho học sinh một số mẹo luật khác như sau:

\* Phân biệt âm đầu ***s/x*** : Đa số các từ chỉ tên cây và tên con vật đều bắt đầu bằng s (sắn, sung, sầu riêng, sứ, sả, sim, sậy, …; sáo, sên, sâu, sán, sóc, sói, sư tử,…).

\* Phân biệt âm đầu tr/ch : Đa số các từ chỉ đồ vật trong nhà và tên con vật đều bắt đầu bằng ch (chổi, chum, chén, chảo, chai, chày, chăn, chiếu,…; chó, chuột, châu chấu, chuồn chuồn, chào mào, chiền chiện,…).

\* Luật trầm – bổng (luật hỏi – ngã trong từ láy) :

Có thể cho học sinh học thuộc hai câu thơ sau:

Chị *Huyền* mang *Nặng Ngã* đau

Anh *Ngang,* *Sắc* thuốc *Hỏi* đau chỗ nào.

Nghĩa là: Thanh Huyền, Nặng, Ngã kết hợp với dấu Ngã.

Thanh Ngang, Sắc, Hỏi kết hợp với dấu Hỏi.

- Ví dụ: Âm trầm

+ Huyền – Ngã: vững vàng, vẽ vời, vồn vã, lững lờ, sẵn sàng,…

+ Nặng – Ngã: đẹp đẽ, nhẹ nhõm, mạnh mẽ, lạnh lẽo, vội vã,…

+ Ngã – Ngã: dễ dãi,, nhõng nhẽo, lỗ lã, nghễnh ngãng,…

\* Ví dụ: Âm bổng

+ Huyền – Hỏi: vui vẻ, nho nhỏ, lẻ loi, trong trẻo,…

+ Sắc – Hỏi: vắng vẻ, mát mẻ, nhắc nhở, trắng trẻo, sắc sảo, vất vả,…

+ Hỏi – Hỏi: hổn hển, lỏng lẻo, thỏ thẻ, thủ thỉ, rủ rỉ,…

Cũng có thể cung cấp thêm cho học sinh mẹo luật sau:

Từ có âm đầu là M, N, Nh, V, L, D, Ng thì viết là dấu ngã (Mình Nên Nhớ Viết Là Dấu Ngã).

-Ví dụ: **M**: mĩ mãn, mã lực, từ mẫu, cần mẫn,…

**N**: nỗ lực, trí não, truy nã, nữ giới,…

**Nh**: nhẫn nại, nhẵn bóng, quấy nhiễu, nhõng nhẽo,…

**V**: vĩnh viễn, vỗ về, vũ trang, võ nghệ, vũ trụ,…

**L**: lễ phép, lữ hành, kết liễu, thành lũy, lạnh lẽo, …

**D**: dã man, dã tràng, dũng cảm, dỗ dành, hướng dẫn, diễm lệ,…

**Ng**: ngưỡng mộ, hàng ngũ, ngữ nghĩa, ngôn ngữ, ngỡ ngàng, ngã (té),..

Ngoài 7 âm đàu trên các từ Hán Việt đều viết dấu hỏi:

- Ví dụ: ảm đạm, ẩm thực, ủy ban, quỷ quyệt, xả thân, kỉ niệm, tỉ mỉ,..

Ngoại lệ: quỹ đạo, thủ quỹ, xã hội, kĩ thuật, mĩ thuật,…

*4.5.5. Biện pháp giúp học sinh viết đúng chính tả qua các bài tập:*

Các dạng bài tập chính tả thường gặp ở lớp Ba trong HKI là các dạng bài: Bài tập điền vào chỗ trống (Bài tập điền khuyết); Bài tập tìm từ; Bài tập tìm tiếng; Bài tập giải câu đố; Bài tập lựa chọn. Sang HKII có thêm dạng Bài tập đặt câu (Bài tập phân biệt hai từ trong từng cặp từ).

Mỗi bài viết chính tả giáo viên cần luyện học sinh phát âm từ khó, phân tích so sánh tiếng, từ khó, giải nghĩa từ, ghi nhớ mẹo luật chính tả. Ngoài nhiệm vụ trên giáo viên còn hướng dẫn học sinh làm các bài tập khác nhau để giúp học sinh tập tận dụng các kiến thức đã học, làm quen với việc sử dụng từ trong văn cảnh cụ thể. Sau mỗi bài tập, giáo viên giúp các em rút ra các qui tắc chính tả để ghi nhớ.

**\* Bài tập điền vào chỗ trống:** Với dạng bài tập này thường giúp học sinh điền đúng âm đầu, vần vào chỗ chấm:

\* Ví dụ: Bài tập 3 – TV2, Tập 2, tr. 33

Điền vào chỗ trống **r, d** hay **gi** ?

Tiếng chim cùng bé tưới hoa

Mát trong từng …ọt nước hòa tiếng chim.

Vòm cây xanh, đố bé tìm.

Tiếng nào …iêng …giữa trăm nghìn tiếng chung.

**Định Hải**

***4.6. Giúp học sinh viết đúng chính tả qua các môn học khác:***

Không những giúp học sinh viết đúng chính tả ở các giờ học chính tả mà chúng ta còn giúp học sinh viết đúng chính tả trong các môn học khác như: Tập làm văn, Luyện từ và câu, Đạo đức, Tự nhiên và xã hội, Toán, Thủ công,… Đối với các môn học ghi bài vào vở, học sinh thường ghi đề sai, giáo viên thường xuyên theo dõi vở học hằng ngày để phát hiện lỗi sai và sửa chữa kịp thời.

\* Ví dụ: + Đạo đức: Tự làm lấy việc của mình

Học sinh lại viết: Tự làm lấy việt của mình

+ Tự nhiên và xã hội: Hoạt động nông nghiệp

Có học sinh viết: Hoạt động nông nghiệp

+ Dạy Thủ công: Gấp, cắt, dán bông hoa

Học sinh lại viết: Gấp, cắt, dáng bông hoa

+ Dạy Toán : Khi giải bài toán học sinh thường viết sai tên đơn vị như: “tuổi” lại viết “tủi”, “mét” lại viết “mết". Giáo viên cần sửa chữa kịp thời để các em không mắc lại lần nữa

Giáo viên còn sửa chữa lỗi sai trong vở bài tập Luyện từ và câu và nhất là phân môn Tập làm văn, giáo viên cần chú ý hơn vì nếu các em viết văn sai âm, vần, thanh thì nghĩa sẽ khác đi, bài văn đó sẽ không hoàn hảo và người đọc sẽ không hiểu ý bài văn viết gì.

Giáo viên cần khuyến khích học sinh không sai lỗi trong vở học sẽ được khen thưởng bằng những phần thưởng nhỏ như: cục tẩy, nhãn tên, viên phấn,…Với những em vở được xếp loại A cuối mỗi tháng, giáo viên tuyên dương trước lớp để cả lớp nêu gương.

***4.7. Dạy thực nghiệm***

*4.7.1. Mục đích thực nghiệm:*

Tôi tiến hành thực nghiệm giảng dạy nhằm đánh giá tính hiệu quả thiết thực, tính hợp lý hay không hợp lý của biện pháp dạy học tôi đã đề xuất.

*4.7.2. Tổ chức thực nghiệm:*

Địa điểm thực nghiệm: Trường Tiểu học Cẩm Phúc

Đối tượng thực nghiệm: Lớp 2C Tổng số: 34 học sinh

**Bài dạy thực nghiệm:**

Vì bài học này có các dạng bài tập đã được nêu ở phần biện pháp vì vậy phương pháp mà tôi tiến hành dạy thực nghiệm là phương pháp tích cực hoá hoạt động của người học. Các hoạt động của học sinh được tổ chức theo nhiều hình thức khác nhau: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, làm việc theo lớp.

*4.7.3. Giáo án thực nghiệm:*

**CHÍNH TẢ - NGHE VIẾT**

**Tiết 46: Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**: Nghe - viết chính xác, trình bày đúng một đoạn trong bài Ngày hội đua voi ở Tây Nguyên.

- Làm được BT 2 (a/b) hoặc BT CT phương ngữ do GV soạn.

**2. Kĩ năng**: Rèn kĩ năng viết chữ đúng tốc độ, cẩn thận cho HS.

**3. Thái độ**: HS có ý thức rèn chữ. GD HS tính thẩm mỹ.

**II. Chuẩn bị**

- Chuẩn bị của GV: Bản đồ Việt Nam, bảng phụ viết nội dung BT2

- Chuẩn bị của HS: Vở, bảng con.

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu**

**1. Ổn định tổ chức (1’)**

**2. Kiểm tra bài cũ (4’)**

- Yêu cầu HS viết bảng: củi lửa, lung linh, nung nấu, nêu gương, bắt chước, ...

- GV nhận xét.

**3. Bài mới:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **\*Giới thiệu bài**  **HĐ 1.HD nghe - viết. (7’)**  - GV nêu mục đích, yêu cầu.  \* *HD HS chuẩn bị*  - GV đọc bài chính tả.  - HD HS tìm hiểu đoạn viết:  + Đồng bào Tây Nguyên mở hội đua voi vào mùa nào?  + Tìm câu tả đàn voi vào hội.  - GV chỉ cho HS vị trí Tây Nguyên trên bản đồ Việt nam.  - Giúp HS nhận xét: Những chữ nào trong bài chính tả được viết hoa? Vì sao?  - GV yêu cầu HS viết bảng con các tiếng dễ lẫn: Tây Nguyên, Ê-đê, Mơ-nông, nườm nượp.  **HĐ 2. HS viết bài (15’)**  \* *GV đọc, HS viết bài vào vở*  **\* *Nhận xét, chữa bài***  - GV đọc cho HS soát lỗi.  - GV nhận xét 5, 7 bài.  - Nhận xét bài viết của HS.  **HĐ 3: Hướng dẫn làm bài tập chính tả**  **Bài tập 2/a:**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu HS làm bài vào VBT.  - GV treo bảng phụ, tổ chức cho 2 tổ thi điền.  - GV nhận xét, chữa bài:  Đáp án:  *Năm, lều, le, lòe, lưng, làn, lánh, loe.*  - GV cho HS đọc lại bài thơ. | + HS theo dõi SGK.  - 2, 3 HS đọc lại.  - Mùa xuân.  - Hàng trăm con voi nục nịch kéo đến.  - HS quan sát.  - Các tiếng được viết hoa: Tây Nguyên, Ê-đê, Mơ-nông ... Vì các tiếng đó là tên riêng của vùng đất, dân tộc.  - HS viết bảng con.  + HS viết bài.  - HS tráo vở soát lỗi.  + Điền vào chỗ trống l hay n.  - HS làm bài vào VBT.  - Đại diện của 2 tổ lên bảng thi điền. |

**4. Củng cố (4’)**

- GV nhận xét tiết học.

- Khen những em có bài viết đẹp.

**5. Dặn dò (1’)**

**4.6.4. Kiểm tra đánh giá sau thực nghiệm:**

***Phiếu kiểm tra:***

***Bài 1. Điền vào chỗ trống:***

***\* L hoặc n***

***hươu …ai …ợn rừng con … ...lạc đà***

***…inh cẩu …inh dương thằn …ằn …con …a***

***\* ươc hoặc ươt.***

***rắn n… mong …… cá sấu n….. ngọt***

***trâu n….. bờm ngựa rất m….. khỉ hay bắt ch……***

Bài khảo sát này tôi đã cho làm ở hai lớp : lớp 2D – Lớp thực nghiệm và lớp 2G – lớp đối chứng . Kết quả thu được kết quả như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Lớp 2D ( 34 HS) | | Lớp 2G (34 HS) | |
| Điểm 9-10 | 10 HS = 29 % | Điểm 9-10 | 8 HS = 24 % |
| Điểm 7-8 | 16 HS = 47 % | Điểm 7-8 | 12 HS = 35% |
| Điểm 5-6 | 8 HS = 24 % | Điểm 5-6 | 13 HS = 38 % |
| Điểm dưới 5 | 0 | Điểm dưới 5 | 1HS = 3% |

**5. Kết quả đạt được:**

- Tôi nhận thấy rằng lớp mà tôi giảng dạy theo các kinh nghiệm nói trên thu được kết quả cao hơn, chất lượng học tập của học sinh được nâng lên. Số lỗi sai trong bài viết không đáng kể. Chữ các em viết đẹp hơn.Các em đã nắm được các mẹo chính tả, quy tắc chính tả, biết cách phân tích, hiểu nghĩa từ khó. Đặc biệt trong quá trình giảng dạy, tôi thấy học sinh tiếp thu bài được tốt hơn, hiểu bài sâu hơn và khả năng vận dụng vào thực hành cũng tốt hơn. Đồng thời phát huy được tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh.

- Sáng kiến này có thể áp dụng cho tất cả các lớp 2 trong toàn trường khi dạy và học mảng kiến thức về chính tả lớp 2:

*Kết quả đạt được như sau:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TSHS  34 | Điểm 9- 10 | Điểm 7- 8 | Điểm 5- 6 | Điểm dưới 5 |
| Giữa học kỳ II | 11  32% | 17  50% | 6  18% | 0  0% |

**6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng.**

- Giáo viên phải không ngừng học tập, trao dồi bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức của mình. Thường xuyên trao đổi với các đồng nghiệp trong khối, tổ về những vướng mắc, khó khăn gặp phải trong quá trình giảng dạy. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn cũng như các buổi tổ chức chuyên đề của tổ, trường.

- Nhà trường đầu tư mua sắm thêm các trang thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ cho từng bài như: bảng phụ, bảng nhóm, tranh ảnh minh họa, ...

- Các cấp quản lý thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên.

**KẾT LUẬN**

**1. Những bài học kinh nghiệm:**

- Việc phát hiện lỗi chính tả, thống kê, tìm nguyên nhân mắc lỗi, từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục là rất cần thiết không thể thiếu trong quá trình dạy học Tiêng Việt.

- Để việc dạy học chính tả đạt hiệu quả ngay từ khi các em mới bắt đầu làm quen với Tiếng Việt, giáo viên cần hướng dẫn các em thật tỉ mỉ về các qui tắc chính tả, qui tắc kết hợp từ, qui tắc ghi âm chữ quốc ngữ và cung cấp cho các em một số mẹo luật chính tả,…

- Để dạy tốt người giáo viên cần phải không ngừng học hỏi, tham khảo ở sách, báo và kinh nghiệm của anh chị đồng nghiệp; tự tìm hiểu, nghiên cứu nâng cao trình độ tay nghề, cần phải có kiến thức về ngữ âm học, từ vựng học, ngữ nghĩa học, tra “từ điển” các từ có liên quan đến chính tả. -Nắm vững phương pháp đặc trưng của phân môn Chính tả, kết hợp linh hoạt các phương pháp giảng dạy sao cho sát hợp với từng đối tượng học sinh của lớp mình.

- Phải dùng nhiều hình thức rèn luyện, khen thưởng và động viên học sinh kịp thời. Hạn chế không nên trách phạt, chê các em trước lớp làm cho các em có mặc cảm và bạn bè có ấn tượng không tốt về các em. Bên cạnh đó giáo viên còn phải khích lệ, động viên học sinh phải kiên trì, chăm chỉ rèn luyện mới đạt được kết quả tốt.

**2. Kết luận:**

Trên đây là một số biện pháp mà tôi vận dụng trong quá trình giảng dạy thực tế của lớp mình. Tuy kết quả bước đầu chưa cao, nhưng với sự nhiệt tình và nổ lực của bản thân truyền đạt cho học sinh, với những kinh nghiệm nho nhỏ này, tôi hy vọng trong thời gian cuối HKII, học sinh lớp tôi sẽ có tiến triển tốt về viết đúng chính tả và hành trang cho các em một số vốn từ chính tả làm nền tảng cho năm học tới (2017 -2018).

**NHỮNG KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với phụ huynh học sinh:**

- Sắm một cuốn vở chính tả riêng (không dùng chung với vở Tập làm văn hoặc vở Luyện từ và câu).

- Sắm một cuốn sổ tay chính tả (dùng viết những từ khó có trong bài Tập đọc và bài Chính tả).

- Sắm đầy đủ dụng cụ học chính tả như: bút chì (chấm bài cho bạn), bảng con, phấn, giẻ lau bảng (viết từ khó trước khi viết chính tả).

- Nhắc nhở các em tự học ở nhà, đọc trước các bài Tập đọc và luyện viết các từ khó có trong bài Tập đọc hoặc trong bài Chính tả.

- Rèn cho các em thói quen nói từ đúng, câu hay khi giao tiếp trong gia đình.

**2. Đối với nhà trường:**

- Ban giám hiệu chỉ đạo cho Cán bộ thư viện mua sắm đầy đủ sách tham khảo, tài liệu, từ điển (Chính tả) Tiếng Việt để giáo viên mượn và sử dụng trong giảng dạy môn Tiếng Việt nói chung và phân môn Chính tả nói riêng.

- Hiệu phó chuyên môn mở chuyên đề phân môn chính tả tại trường thường xuyên để giáo viên giảng dạy, học tập rút kinh nghiệm.

**3. Đối với Phòng giáo dục:**

- Bộ phận chuyên môn mở chuyên đề dạy phân môn Chính tả để Phó hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn phổ biến rộng rãi đến giáo viên giảng dạy được tốt hơn.

- Có thể tổ chức thao giảng chính tả theo cụm để giáo viên dự giờ rút kinh nghiệm.

\* Rất mong sự đóng góp chân thành của tất cả anh chị em trong Hội đồng sáng kiến khoa học các cấp để bài viêt của tôi được hoàn hảo hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nội dung*** | ***Trang*** |
| **THÔNG TIN CHUNG VỀ SÁNG KIẾN** | 1 |
| **TÓM TẮT NỘI DUNG SÁNG KIẾN** | 2 |
| **MÔ TẢ SÁNG KIẾN** |  |
| **1. Hoàn cảnh nảy sinh sáng kiến** | 3 |
| 1. **Cơ sở lí luận của vấn đề** | 4 |
| **3. Thực trạng việc dạy phân môn chính tả cho học sinh lớp 2.**  ***3.1. Thuận lợi việc dạy phân môn chính tả cho học sinh lớp 2.***  ***3.2. Khó khăn việc dạy phân môn chính tả cho học sinh lớp 2.***  ***3.3. Khảo sát thực trạng.***  ***3.4. Nhận định nguyên nhân.*** | 5  5  5  5  6 |
| **4 . Biện pháp dạy học phâm môn chính tả lớp 2.**  ***4.1- Chuẩn bị bài.***  ***4.2. Phần bài mới.***  ***4.3. Bài tập chính tả.***  ***4.4. Tổ chức dạy học.***  ***4.5. Một số biện pháp khắc phục lỗi chính tả.***  ***4.6. Giúp học sinh viết đúng chính tả qua các môn học khác.***  ***4.7. Dạy thực nghiệm.***  **5. Kết quả đạt được**  **6. Điều kiện để sáng kiến được nhân rộng** | 8  9  10  12  13  16  17  19  19 |
| **KẾT LUẬN** | 27 |
| 1. Kết luận | 27 |
| 2. Khuyến nghị | 27 |
| **NHỮNG KHUYẾN NGHỊ** | 28 |
| **1. Đối với phụ huynh học sinh.** | 28 |
| **2. Đối với nhà trường** | 28 |
| **3. Đối với phòng giáo dục** | 28 |

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Sách giáo viên Tiếng Việt 2 – Tập 1 và 2.

2. Một số phương pháp dạy Tiếng Việt - trong tập (Đổi mới phương pháp dạy học ở Tiểu học) – Tài liệu Bồi dưỡng giáo viên.

3. Từ điển chính tả Tiếng Việt – Hoàng Phê chủ biên (NXB Giáo dục, HN 1988).

4. Từ điển Tiếng Việt (NXB Giáo dục).

5. Mẹo luật chính tả (Lê Trung Hoa) - Sở Văn hóa-Thông tin Long An, XB:1984

6.Chữa lỗi chính tả cho học sinh của: Phan Ngọc (NXB Giáo dục Hà Nội, 1982).

7. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học- NXB ĐHQG Hà Nội- Lê Phương Nga- Hữu Trí

8. Một số tạp chí, chuyên san giáo dục, thế giới trong ta.